

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đã điều chỉnh)	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.173	218.486
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	3.337	2.744
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.837	215.742
4	Giá vốn hàng bán	187.343	182.187
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.493	33.555
6	Doanh thu hoạt động tài chính	294	154
7	Chi phí tài chính	4.031	1.936
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.756	1.876
9	Chi phí bán hàng	14.989	15.053
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.674	10.881
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.093	5.837
12	Thu nhập khác	123	36
13	Chi phí khác	128	122
14	Lợi nhuận khác	-5,1	-85,6
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.088	5.752
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	838	1.190
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250	4.562
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	334	676

Năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc và vấn đề chính trị ngày càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, mức độ tăng trưởng kinh tế đã chậm lại ở nhiều nước. Trong nước, dù kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức như: năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp do ảnh hưởng của hàng hóa Trung quốc,...

Riêng đối với ngành ắc quy ngày càng cạnh tranh khốc liệt về giá do giá nguyên vật liệu chính là chì duy trì ở mức thấp nên các hãng đua nhau chạy chương trình khuyến mại tăng chiết khấu, tăng khuyến mại để giành giật thị trường. Tình trạng gian lận thương mại trong nước vẫn tái diễn, khó kiểm soát đã làm ảnh hưởng rất lớn đến

tình hình tiêu thụ cũng như kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình thị trường xuất khẩu cũng gặp khó khăn do cạnh tranh mạnh về giá với hàng nhập ngoại, đặc biệt đối với hàng từ Trung Quốc, Thái Lan...

Để đạt được kết quả về doanh thu, lợi nhuận như trên là sự nỗ lực phấn đấu và điều hành linh hoạt của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi như:

Thuận lợi:

- *Khách quan:*

+ Chính sách điều hành kinh tế Nhà nước của Chính phủ có nhiều cải cách mạnh mẽ, tháo gỡ khó khăn và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, nhờ đó đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế trong nước.

+ Đẩy mạnh triển khai thực hiện các hiệp định thương mại nhằm tìm kiếm thị trường, mở ra cơ hội xuất khẩu vào các thị trường lớn.

- *Chủ quan:*

+ Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý sản xuất nhằm giữ vững, ổn định Chất lượng sản phẩm tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

+ Phát huy hiệu quả công tác đầu tư thiết bị góp phần nâng cao năng suất và ổn định chất lượng sản phẩm.

+ Thực hiện tốt các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm làm tiền đề điều chỉnh cơ chế chính sách giá cạnh tranh, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh đó, đã khắc phục những khó khăn sau:

- Các Doanh nghiệp sản xuất ắc quy có vốn đầu tư nước ngoài tăng cả số lượng và quy mô;

- Việc kiểm soát tình trạng gian lận thương mại vẫn còn hạn chế.

- Tình hình xuất khẩu cũng gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh khó khăn với hàng Thái Lan và Trung Quốc.

- Chi phí về Bảo hiểm xã hội, Phòng cháy chữa cháy, Bảo hộ lao động,... tăng hàng năm theo quy định của Nhà nước.

- Tình hình tuyển dụng lao động mới vẫn gặp khó khăn do phải cạnh tranh về điều kiện làm việc, mức thu nhập và chính sách đãi ngộ của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở các khu công nghiệp ngoại thành Hải Phòng.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	Với kế hoạch năm	Với cùng kỳ
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	Tr.đ	217.837	228.000	215.742	94,62	99,04
<i>Trong đó:</i>						
<i>Xuất khẩu</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>45.568</i>	<i>39.730</i>	<i>47.337</i>	<i>119,14</i>	<i>103,88</i>
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.249	2.077	4.562	219,64	202,84

1.2.1 Về Thị trường và Tiêu thụ sản phẩm:

a, Thị trường nội địa: Đạt 97,77% so năm 2018.

Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của tình hình thị trường, Công ty xác định không bán hàng bằng mọi giá, ưu tiên những sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tuy nhiên vẫn linh hoạt, kịp thời hành các chương trình khuyến mại, cơ chế chính sách để duy trì khả năng cạnh tranh và sự hiện diện của Sản phẩm trên Thị trường, đồng thời thường xuyên chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

- Kênh bán lẻ:
 - + Kiên quyết sàng lọc các đại lý hoạt động kém hiệu quả, doanh số thấp để xúc tiến thêm các đại lý có doanh số tốt hơn, một số Chi nhánh đã tích cực xúc tiến thêm các đơn vị sản xuất OEM, đơn vị đấu thầu nên đã tăng doanh số bán hàng qua kênh Chi nhánh.
 - + Linh hoạt cơ chế chính sách cho từng đối tượng khách hàng, đặc thù từng khu vực thị trường do không còn lợi thế về giá so với các hãng.
 - + Điều chỉnh chính sách quản lý công nợ nhằm hạn chế tối đa rủi ro bằng việc ban hành điều khoản thanh toán nhanh và ban hành hạn mức công nợ.
- Khách hàng trực tiếp:
 - + Xúc tiến hợp tác, cung cấp vật tư, bán thành phẩm cho đơn vị sản xuất trong nước.
 - + Kết hợp với các đơn vị trung gian tham gia đấu thầu được một số gói Viễn Thông Điện lực,...
 - + Các đơn vị lắp ráp vẫn khó khăn và sự cạnh tranh về giá giữa các nhà cung cấp ắc quy trong nước khiến cho mức độ tiêu thụ vào nhóm khách hàng này bị giảm sút.
 - + Duy trì việc cung cấp sản phẩm cho các đơn vị lắp ráp thiết bị nông nghiệp.

b, Thị trường Xuất khẩu: Đạt 103,91% so năm 2018.

- Thị trường Đông Nam Á tăng nhẹ do thường xuyên quan tâm, điều chỉnh cơ chế chính sách linh hoạt, giữ sự ổn định đơn đặt hàng và thông tin chất lượng sản phẩm.
- Thị trường Tây Á, Trung Đông đã chủ động xúc tiến hợp tác lại với thị trường Yemen tuy nhiên sản lượng nhập chưa đều.
- Thị trường Thụy điển ổn định, tình hình tiêu thụ khả quan hơn.

Tuy nhiên thị trường xuất khẩu đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng khắt khe, giá bán cạnh tranh với các hãng Trung quốc, Thái Lan nên lợi nhuận gộp thường thấp hơn kênh nội địa.

*** Về sản phẩm và quảng bá thương hiệu:**

- Chất lượng sản phẩm đã được giữ vững ổn định và được khách hàng tin dùng.
- Công ty chưa ra được sản phẩm ắc quy kín khí Công nghiệp công nghệ cao.
- Tiếp tục đầu tư quảng cáo về biển hiệu, vô trung bày, poster,...tạo điều kiện hơn cho công tác bán hàng.

*** Hệ thống phân phối:**

- Đã kiên quyết sàng lọc các đại lý hoạt động kém hiệu quả, doanh số thấp để xúc tiến thêm các đại lý có doanh số tốt hơn.

- Thường xuyên tổ chức tốt các sự kiện tri ân khách hàng và các hoạt động marketing khác, khuyến mại sản phẩm tăng sức hút tiêu thụ vào dịp lễ, tết, thành lập Công ty tạo hiệu ứng tích cực từ các điểm bán hàng.
- Công tác kiểm soát hàng tồn trong hệ thống tiêu thụ đã được chú trọng.

1.2.2 Về hoạt động Kỹ thuật - Sản xuất:

*** Về kỹ thuật sản xuất:**

- Tăng cường công tác kiểm soát quy trình SX của quản lý các cấp;
- Đảm bảo các thông số công nghệ để ổn định chất lượng sản phẩm.
- Đã chủ động cân đối năng lực của các dây chuyền khi sản xuất tăng cao trong tình trạng thiếu lao động.
- Kiểm soát chặt việc chấp hành định mức vật tư kỹ thuật, đặc biệt ở các công đoạn then chốt.
- Vận hành tốt hệ thống các thiết bị mới đầu tư những năm gần đây góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tỉ lệ tiêu hao và đảm bảo công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường.
- Công tác tiết kiệm chi phí được triển khai mạnh mẽ với nhiều giải pháp:
 - + Xây dựng chương trình hành động và Giám sát chặt chẽ việc thực hành tiết kiệm tối đa vật tư, năng lượng trong quá trình sản xuất.
 - + Điều chỉnh định mức lao động thường xuyên, kịp thời nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.
 - + Duy trì việc tái sử dụng nước thải sau hệ thống xử lý góp phần giảm sử dụng nước nguồn vào sản xuất;

*** Về quản lý chất lượng:**

- Duy trì tốt việc kiểm soát chế độ công nghệ đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm;
- Duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015;

*** Về công tác An toàn lao động – Phòng chống cháy nổ:**

- Bảo đảm tốt ATLD-PCCC-BVMT.
- Đã tổ chức tuyên truyền, diễn tập PCCC định kỳ cho người lao động.
- Duy trì hoạt động có hiệu quả mạng lưới An toàn vệ sinh lao động để kiểm tra, giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn Công ty. Hàng ngày tổ trưởng đồn đốc nhắc nhở các tổ viên thực hiện đúng nội quy an toàn, có chế tài cho việc thực hiện không đúng.
- Đã tổ chức khám sức khỏe năm 2019 cho người lao động đúng quy định.

→ Kết quả:

- + Không có tai nạn lao động, sự cố cháy nổ và vi phạm môi trường.
- + Không có người lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên, theo yêu cầu của Cảnh sát PCCC Công an TP Hải Phòng, Năm 2020 Công ty phải thực hiện đầu tư hệ thống chữa cháy tự động tại các Kho nguyên liệu, xung quanh nhà xưởng và Bồn gas,... theo quy định về PCCC đối với cơ sở sản xuất.

*** Về công tác bảo vệ môi trường:**

- Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp bách của các doanh nghiệp hiện nay, là doanh nghiệp sản xuất có nguyên liệu sản xuất chính là chì – là chất gây ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ điều này Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường
- Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015
- Tổ chức đánh giá tác động môi trường theo quy định
- Thực hiện thuê quan trắc môi trường hàng quý
- Vận hành tốt hệ thống thu gom bụi, khí thải và xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn quy định.
- Công ty đã quản lý chất thải rắn - chất thải nguy hại, phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung như: nơi chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Ký hợp đồng xử lý tái chế với các công ty có chức năng.
- Thực hiện giám sát và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường.

1.2.3. Về tình hình đầu tư:

Năm 2019 Công ty không có hạng mục đầu tư.

Căn cứ tình hình thực tế SXKD và các quy định của pháp luật, Công ty đang rà soát đề xuất kế hoạch đầu tư năm 2020 một số hạng mục cấp thiết gồm:

- + Hệ thống chữa cháy tự động nhà xưởng (theo quy định của Luật PCCC và yêu cầu của các đợt kiểm tra định kỳ của Cảnh sát PCCC TP Hải Phòng).
- + Thiết bị máy gắn nắp MF, Máy Nạp điện AQ kín khí.

1.2.4. Về Quản lý Định mức Vật tư Kỹ thuật:

Trên cơ sở Bộ Định mức Vật tư năm 2019 được Ban hành, hàng ngày Công ty thực hiện giám sát định mức tại các công đoạn sản xuất, hàng tháng, hàng quý đều đánh giá việc thực hiện Định mức vật tư kỹ thuật bằng quyết toán vật tư tại các công đoạn sản xuất, nhằm kịp thời khắc phục hạn chế để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý sản xuất, kinh doanh của Công ty.

1.2.5. Về công tác nhân sự - tiền lương, chăm lo đời sống người lao động:

Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách linh hoạt nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động, góp phần ổn định nguồn nhân lực hiện có và thu hút bổ sung lao động mới như:

- Có cơ chế khuyến khích cho NLD trực tiếp sản xuất đạt năng suất cao.
- Duy trì chế độ bù bậc cho Công nhân bậc cao, thay thế phụ cấp thâm niên bằng phụ cấp chuyên cần cho phù hợp với tình hình hiện tại;
- Điều chỉnh mức tiền lương khoán cho một số vị trí nhân viên nghiệp vụ có mức độ phức tạp công việc nhằm ổn định và thu hút nhân lực chất lượng cao.
- Bố trí cho một số cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ nghỉ 1/2 ngày Thứ 7.
- Kịp thời khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân tích cực lao động sản xuất, lao động sáng tạo nhân dịp sơ kết phong trào thi đua các Quý như: Khen

thường đột suất những ý tưởng, sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất mang lại hiệu quả.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, liên hoan tiếp xúc nhân các sự kiện kỷ niệm những ngày lễ lớn.
- Thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể đã ban hành
- Tổ chức cho Người lao động đi tham quan, học tập, nghỉ mát tái tạo sức lao động.
- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động bằng việc thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể người lao động.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Các chỉ số tài chính:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,38	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,71
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,6	36,5
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	87,1	57,5
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,99	5,96
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	1,53	3,47
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,03	2,11

Trong năm 2019, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tăng so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 1,38 lần lên 1,81 lần. Nguyên nhân do Công ty đã cân đối nguồn tiền hợp lý. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng tăng từ 0,35 lần lên 0,71 lần, chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng

Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2019 đều có xu hướng giảm so với năm 2018. Cụ thể Hệ số nợ/ Tổng tài sản giảm từ 46,6% xuống 36,5% và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 87,1% xuống 57,5%. Nguyên nhân do Công ty tích cực quay vòng vốn lưu động nhanh và giảm vay-nợ thuê tài chính ngắn hạn từ 37.276 triệu đồng xuống còn 14.292 triệu đồng.

Chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần tăng 0,81 so cùng kỳ, do :

- Giá vốn hàng bán giảm 3,29% so với năm 2018 do giá vật tư đầu vào nguyên liệu chính là chì giảm so cùng kỳ, đồng thời kiểm soát tương đối tốt định mức tiêu hao vật tư và giá vật tư phụ lẻ đàm phán lại cũng giảm so với cùng kỳ. Bên cạnh đó hạn chế chi phí sửa chữa lớn, chỉ thay thế phát sinh khi thực sự cần thiết.

- Chi phí tài chính giảm 2.094 triệu đồng (giảm 51,95%) so với năm 2018 do cân đối hàng dự trữ tồn kho giảm và dư vay ngân hàng giảm mạnh (số đầu năm: 37 tỷ đồng; số cuối năm: 14 tỷ đồng; giảm 23 tỷ đồng).

Để tiếp tục đạt chỉ tiêu lợi nhuận và đảm bảo tiền lương cho người lao động là sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành bằng các biện pháp sau:

- Cân đối dự trữ vật tư hợp lý để quay vòng vốn lưu động
- Tìm thêm các nhà cung cấp vật tư đảm bảo chất lượng và có giá cạnh tranh hơn, loại bỏ các nhà cung cấp có năng lực yếu, giá cả không cạnh tranh.
- Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay cạnh tranh, phù hợp;
- Tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ.

2.2. Tình hình tài sản:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% so với 2018
Tài sản ngắn hạn	90.139	81.360	90,26
Tài sản dài hạn	50.184	41.608	82,91
TỔNG TÀI SẢN	140.323	122.968	87,63

Tổng tài sản của Công ty năm 2019 là: 122.968 triệu đồng, giảm 12,37% so với năm 2018, Chủ yếu là Hàng tồn kho giảm 26% , tuy nhiên công nợ phải thu tăng 87% (do một số khách hàng trực tiếp và xuất khẩu thanh toán theo Hợp đồng, nhận hàng vào cuối năm)

Tài sản dài hạn giảm 16% do một số TSCĐ mới hết khấu hao.

2.3. Tình hình nợ:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% so với 2018	Cơ cấu nợ 2018	Cơ cấu nợ 2019
Nợ ngắn hạn	65.333	44.885	68,70	99,98%	99,97%
Nợ dài hạn	15	15	100,00	0,02%	0,03%
NỢ PHẢI TRẢ	65.348	44.900	68,71	100,00%	100,00%

Cơ cấu nợ của Công ty tương đối ổn định. Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng ít hơn ngắn hạn và năm 2019 giảm so năm 2018 tương đương 20.448 triệu đồng chủ yếu là giảm nợ ngắn hạn.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

* Những cải tiến trong năm 2019.

- Linh hoạt điều chỉnh cơ chế chính sách bán hàng nhằm tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm, tận dụng tối đa cơ hội để duy trì và thúc đẩy tiêu thụ.

- Điều chỉnh chính sách tiền lương cho phù hợp với tình hình thực tế để ổn định nhân lực hiện có.

- Tăng tần suất kiểm soát thông số công nghệ hàng ngày tại tất cả các công đoạn sản xuất.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, quản trị hàng tồn kho hợp lý để giảm vốn vay và tăng vòng quay vốn lưu động.
- Các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho Người lao động được quan tâm hơn thông qua việc tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng với sự nỗ lực, sự linh hoạt trong điều hành của Ban lãnh đạo, bộ máy quản lý đặc biệt là sự đoàn kết của tập thể Người lao động. Công ty CP Ắc quy Tia Sáng đã cơ bản duy trì được ổn định trong hoạt động SXKD với chỉ tiêu Doanh thu đạt 99,06% so với năm 2018, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 186,27% so với cùng kỳ.

Với những kết quả đã đạt được của năm 2019 đã tạo động lực, niềm tin và sự quyết tâm để tập thể CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và những năm tiếp theo.

5. KẾ HOẠCH NĂM 2020

5.1. Nhận định tình hình chung:

Năm 2020, kinh tế Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19. Các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như: Du lịch, may mặc, da giày, điện, điện tử, sản xuất và lắp ráp ô tô,... đều đang chịu tác động xấu bởi tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, nhiều nước vẫn chưa lối lối giãn cách xã hội.

Như vậy có thể nói, năm 2020 là năm rất khó khăn và nhiều thách thức, đòi hỏi các Doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng nói riêng cần nỗ lực rất lớn, chất chịu cơ hội, nắm bắt được diễn biến, tình hình của nền kinh tế để có quyết sách trong SXKD sao cho hiệu quả nhất.

5.2. Thuận lợi:

- Các quyết sách của Chính phủ sẽ tháo gỡ phần nào các khó khăn của Doanh nghiệp khi dịch bệnh được ngăn chặn, nền kinh tế sẽ phục hồi trở lại góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, đồng thời việc tăng cường hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại và trốn thuế của Nhà nước sẽ góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các Doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Chất lượng Sản phẩm của Công ty đã được khách hàng tin dùng.

- Các thiết bị mới đã phát huy hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của Ắc quy Tia Sáng trên thị trường.

5.3. Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế, các doanh nghiệp và mức tiêu dùng của người dân.

- Các đơn vị sản xuất ắc quy trong nước không ngừng đầu tư mở rộng tăng công suất;
- Sự cạnh tranh về giá giữa các hãng ắc quy trong nước và nhập ngoại ngày càng khốc liệt.
- Các hãng lắp ráp ô tô trong nước vẫn đang gặp khó khăn;
- Khách hàng đang có xu hướng chuyển sang dùng các sản phẩm ắc quy công nghệ cao, trong khi năng lực sản xuất dòng sản phẩm mới này vẫn còn hạn chế.
- Chi phí Tiền lương, Bảo hiểm xã hội tăng theo mức lương tối thiểu mới từ 01/01/2020.
- Các chi phí về môi trường, năng lượng tiếp tục tăng.
- Tình hình tuyển dụng lao động mới vẫn khó khăn.

5.4. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Triệu đồng	214.600
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	215.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.277

5.5. Nhiệm vụ chung:

- Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu doanh thu đề ra. Tăng cường mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm trên toàn quốc, đặc biệt các thị trường còn trống.
- Đảm bảo sự ổn định và tiếp tục nâng cấp chất lượng sản phẩm. Kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy trình công nghệ, phát hiện và xử lý kịp thời các biến động, không để sản phẩm sai lỗi ra thị trường.
- Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm chi phí để hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
- Mua sắm thêm một số thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất như: Máy gắn nắp MF, Máy Nạp điện AQ kín khí.
- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương để thu hút nhân lực.
- Quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng chống, ngăn chặn và dập tắt dịch bệnh để đảm bảo sức khỏe cho NLĐ và cộng đồng.

5.6. Phương hướng, biện pháp cụ thể:

5.6.1. Công tác tiêu thụ sản phẩm:

- * Đối với thị trường nội địa:
 - Quyết liệt sàng lọc các đại lý kém hiệu quả để xúc tiến mở mới đại lý hiệu quả.
 - Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ, đáp ứng kịp thời các đơn hàng, ưu tiên những dòng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
 - Ban hành chương trình khuyến mại tại từng thời điểm để tăng lợi thế cạnh tranh.

- Duy trì và hỗ trợ thường xuyên kỹ thuật cho các Đại lý để nâng cao dịch vụ sau bán hàng.
- Duy trì, phát triển các khách hàng đầu thầu, Vùng mỏ, Lắp ráp, IKD.
- Tiếp tục kết hợp hiệu quả với các đơn vị trung gian tham gia đấu thầu gói Viễn Thông Điện lực,...
- Tích cực thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ quá hạn, khó đòi.
- Bổ sung nhân lực và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ kỹ thuật cho đội ngũ thị trường.

* Đối với khách hàng xuất khẩu:

- Duy trì và phát triển khách hàng xuất khẩu cũ, đặc biệt bám sát thị trường Đông Nam Á, có chính sách để tăng trưởng doanh số ổn định, bên cạnh đó tích cực tìm kiếm khách hàng mới thông qua các đợt xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế, thương mại điện tử,...
- Xúc tiến xuất khẩu sang các nước Asean.

5.6.2. Công tác kỹ thuật sản xuất:

Tập trung vào các nhiệm vụ:

- + Giữ vững ổn định chất lượng và không ngừng nghiên cứu nâng cấp Chất lượng sản phẩm.
- + Kiểm soát chặt hơn việc tuân thủ quy trình công nghệ, Định mức vật tư kỹ thuật tiêu hao tại các công đoạn sản xuất nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm và hiệu quả SXKD.
- + Tập trung nghiên cứu, cải tiến công nghệ và kiểm soát quy trình sản xuất để giảm tiêu hao vật tư trong quá trình sản xuất.
- + Khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có.
- + Chủ động cân đối năng lực của các dây chuyền khi kế hoạch tăng cao.
- + Tiết kiệm tối đa năng lượng, vật tư trong các công đoạn sản xuất.
- + Thực hiện Bảo dưỡng trang thiết bị sản xuất đúng kỳ.

5.6.3. Công tác đầu tư:

Căn cứ tình hình thực tế SXKD và các quy định của pháp luật, Công ty đang rà soát đề xuất kế hoạch đầu tư năm 2020 một số hạng mục cấp thiết gồm:

- + Hệ thống chữa cháy tự động nhà xưởng (theo quy định của Luật PCCC và yêu cầu của các đợt kiểm tra định kỳ của Cảnh sát PCCC TP Hải Phòng).
- + Thiết bị máy gắn nắp MF, Máy Nạp điện AQ kín khí.

5.6.4. Công tác quản trị khác:

Thực hiện các Quy chế đã ban hành

- Quy chế mua sắm vật tư: Lựa chọn nhà cung cấp vật tư đầu vào có chất lượng, giá cả cạnh tranh nhằm giảm chi phí sản xuất.
- Quy chế chi tiêu nội bộ: kiểm soát chi phí hợp lý
- Vận hành tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14000:2015
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế đầu tư XD/CB cho phù hợp hiện tại, kiểm soát tốt công tác quản trị.

5.6.5. Đổi mới tổ chức quản lý:

- Đào tạo công tác cán bộ để có đội ngũ bổ sung và kế thừa nhằm đảm bảo nguồn lực cán bộ quản lý trong Công ty.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo tại chỗ hoặc tập huấn bên ngoài cho người lao động trực tiếp sản xuất.

- Cải tiến cơ chế tiền lương nhằm giữ và thu hút nguồn lao động có tay nghề cao đáp ứng nhu cầu sản xuất .

5.6.6. Phong trào thi đua – Công tác xã hội:

- Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất phấn đấu hoàn thành kế hoạch tháng/quý/ năm.

- Kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân tiên tiến trong các đợt thi đua nhằm khích lệ, động viên, nhân rộng điển hình góp phần xây dựng phong trào thi đua ngày một lớn mạnh

- Thực hiện việc thông báo về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng ngày qua bảng tin để tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra;

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, tạo sân chơi cho người lao động sau những giờ lao động sản xuất.

- Thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống, việc làm và các quyền lợi của người lao động, giúp đỡ cho những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương, các tổ chức từ thiện trong nước phát động.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2019, cùng với truyền thống đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn của tập thể Cán bộ, công nhân lao động trong những năm vừa qua, chắc chắn sẽ tạo ra tiền đề tốt để Công ty phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đề ra.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn./.

